

*

Số 62-KH/ĐU

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 01 năm 2026

KẾ HOẠCH

triển khai thực hiện Đề án số 20-ĐA/TU ngày 11/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về “Phát triển toàn diện khu vực nông thôn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030” năm 2026

Thực hiện Đề án số 20-ĐA/TU ngày 11/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Phát triển toàn diện khu vực nông thôn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030 (Đề án số 20-ĐA/TU); Kế hoạch số 36-KH/TU ngày 10/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc triển khai thực hiện Đề án “Phát triển toàn diện khu vực nông thôn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030” năm 2026 (Kế hoạch số 36-KH/TU), Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án số 20-ĐA/TU năm 2026 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Quán triệt sâu sắc các mục tiêu và nhiệm vụ của Đề án số 20-ĐA/TU, Kế hoạch số 36-KH/TU, nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, đoàn thể chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên. Cụ thể hoá các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm triển khai thực hiện Đề án trong năm 2026, tạo nền tảng vững chắc và động lực đột phá để thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển toàn diện khu vực nông thôn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030 theo hướng “nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”; góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

2. Yêu cầu

Các cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tổ chức quán triệt, cụ thể hóa xây dựng kế hoạch chi tiết năm 2026 để tổ chức triển khai thực hiện. Việc triển khai thực hiện phải đồng bộ, thiết thực, hiệu quả và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, tình hình thực tế tại cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; thường xuyên kiểm tra, giám sát và định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện, rút kinh nghiệm để đề ra các giải pháp kịp thời.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Mục tiêu

Đảng ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, các cấp ủy tổ chức đảng lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu năm 2026 theo Kế hoạch số 36-KH/TU.

2. Nhiệm vụ trọng tâm

2.1. Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp; phát triển nền nông nghiệp hiệu quả, bền vững

2.1.1. Phát triển sản xuất trồng trọt theo hướng an toàn, hữu cơ

Đảng ủy, UBND tỉnh, cấp ủy các tổ chức cơ sở đảng theo chức năng nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tái cơ cấu ngành trồng trọt theo hướng giảm diện tích, tăng chất lượng và giá trị, gắn với tổ chức lại sản xuất, ứng dụng khoa học - công nghệ và chuyển đổi số. Phấn đấu tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành trồng trọt đạt trên 1,2%; giá trị sản phẩm thu được trên 01 ha đất trồng trọt đạt 126 triệu đồng.

Tập trung lãnh đạo phát triển một số cây trồng chủ lực, đặc sản có lợi thế cạnh tranh, gắn với xây dựng vùng sản xuất tập trung, an toàn, hữu cơ, đáp ứng yêu cầu thị trường:

- Phát triển sản xuất, nâng cao giá trị, thương hiệu sản phẩm chè: Năm 2026, diện tích chè toàn tỉnh đạt trên 22.610 ha, sản lượng đạt trên 277.760 tấn; trên 40% diện tích chè được chứng nhận tiêu chuẩn GAP, hữu cơ; 22% diện tích chè được cấp mã số vùng trồng; các cơ sở sản xuất chế biến, kinh doanh chè và các sản phẩm từ chè bảo đảm quy định an toàn thực phẩm; 80% doanh nghiệp, hợp tác xã có vùng nguyên liệu chè ứng dụng công nghệ số trong canh tác, quản lý chuỗi, quản lý nông sản từ quá trình sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, vận chuyển, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, tạo sự minh bạch thông tin, đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm; có 205 sản phẩm trà được chứng nhận đạt tiêu chuẩn OCOP 3-5 sao; 80% sản phẩm trà và sản phẩm từ chè được tiêu thụ trên các nền tảng số.

- Phát triển cây ăn quả chủ lực, đặc sản: Duy trì diện tích cây ăn quả có múi hiện có, đầu tư thâm canh, sử dụng giống mới, phù hợp với thị hiếu thị trường, phù hợp với điều kiện sản xuất của từng địa phương. Ưu tiên phát triển thành vùng chuyên canh cây ăn quả, sản xuất an toàn, hữu cơ, rải vụ...

- Sản xuất đảm bảo an ninh lương thực: Năm 2026, sản lượng lúa (thóc) đạt 463.100 tấn, trong đó 60% diện tích sử dụng giống lúa năng suất, chất lượng, giống lúa đặc sản, bản địa (nếp Thâu Dầu, nếp Vải, nếp Khẩu Nua Léch, nếp Tài, ...); có trên 50% diện tích gieo trồng lúa áp dụng các biện pháp kỹ thuật sản xuất lúa an toàn, bền vững (IPM, IPHM, SRI, GAP, hữu cơ, tưới ướt khô xen kẽ,...) nhằm nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm lúa

gạo và bảo vệ môi trường. Rà soát, chuyển đổi 1.200 ha sang trồng các loại cây khác có giá trị kinh tế cao hơn, trồng lúa kết hợp nuôi thủy sản.

- Phát triển mở rộng sản xuất rau, hoa: Năm 2026, sản lượng rau các loại đạt trên 321.000 tấn. Mở rộng diện tích gieo trồng những loại rau bản địa có thị trường tiêu thụ tốt như: Bí thơm, Bò khai,... Duy trì những vùng sản xuất rau, hoa tập trung, ưu tiên rà soát những vùng có điều kiện sản xuất phù hợp để sản xuất thâm canh ứng dụng công nghệ cao, an toàn, hữu cơ, trái vụ.

- Phát triển cây dược liệu: Mở rộng diện tích trồng cây dược liệu (không tính cây hồi, quế). Trong đó, tập trung mở rộng diện tích trồng các loại cây dược liệu quý, sản xuất đảm bảo tiêu chuẩn thực hành tốt trồng trọt và thu hái của Tổ chức Y tế thế giới (GACP-WHO).

2.1.2. Phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại tập trung, ứng dụng công nghệ cao, chăn nuôi an toàn dịch bệnh

Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện cơ cấu lại ngành chăn nuôi theo hướng tăng tỷ trọng, phát triển bền vững, chuyển mạnh từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi trang trại, công nghiệp, tuần hoàn, bảo đảm an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh và an toàn thực phẩm. Tập trung phát triển một số ngành hàng chăn nuôi chủ lực:

- *Chăn nuôi lợn*: Sử dụng các giống cao sản, mở rộng quy mô đàn lợn chăn nuôi theo hướng trang trại tập trung quy mô lớn, tuần hoàn, an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm; chăn nuôi truyền thống với các giống bản địa, lợn lai giữa giống cao sản và giống bản địa. Năm 2026, quy mô đàn đạt 850 nghìn con, sản lượng thịt hơi đạt 121.140 tấn.

- *Chăn nuôi gia cầm*: Phát triển các trang trại và các cơ sở chăn nuôi sản xuất hàng hóa lớn theo hướng chăn nuôi công nghiệp với quy mô phù hợp, tập trung tại các địa phương khu vực phía Nam của tỉnh. Năm 2026, tổng đàn gia cầm đạt 19,5 triệu con (*trong đó đàn gà 18,6 triệu con*); sản lượng thịt hơi đạt 124.800 tấn (*thịt gà 119.800 tấn*); sản lượng trứng 466 triệu quả.

- *Chăn nuôi đại gia súc*: Tập trung chăn nuôi trâu, bò thịt hàng hóa ở các địa phương khu vực phía Bắc của tỉnh và bố trí diện tích đất trồng cỏ để chăn nuôi. Năm 2026, đàn trâu, bò đạt 127.500 con; sản lượng thịt hơi đạt 17.000 tấn.

2.1.3. Phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với quản lý bảo vệ rừng bền vững

Lãnh đạo, chỉ đạo cơ cấu lại ngành lâm nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng và giá trị, gắn phát triển kinh tế rừng với bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu. Phân đấu tốc độ tăng trưởng ngành lâm nghiệp đạt trên 5,5%, ổn định tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 60%.

- *Phát triển rừng gỗ lớn: Đẩy mạnh trồng rừng gỗ lớn và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (tập trung chủ yếu tại các địa phương như: Bạch Thông, Ngân Sơn, Chợ Mới, Chợ Đồn, Na Rì, Đông Hỷ, Đại Từ,...)* nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế rừng. Tiếp tục phát triển mở rộng diện tích rừng gỗ lớn và diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững trên địa bàn tỉnh.

- *Quản lý rừng bền vững; phát triển thị trường các - bon rừng:* Nâng cao giá trị sản xuất từ rừng trồng; phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với bảo vệ môi trường và quản lý, bảo vệ phát triển rừng bền vững. Thực hiện giao đất, giao rừng, cho thuê rừng gắn với cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp, bảo đảm tất cả diện tích rừng và đất được quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp được giao, cho thuê đến chủ rừng. Diện tích trồng rừng đạt 7.500 ha; sản lượng khai thác lâm sản đạt 700.000 m³. Nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm gỗ qua chế biến; nâng cao tỷ lệ sử dụng gỗ nguyên liệu trong tỉnh; khuyến khích dùng gỗ rừng trồng (đạt tiêu chuẩn FSC), giảm dần tỷ lệ gỗ nguyên liệu nhập khẩu. Tiếp tục thực hiện Dự án điều tra trữ lượng rừng, trữ lượng các - bon rừng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; xây dựng kịch bản dự báo tiềm năng phát triển các - bon rừng; tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, tăng cường năng lực, thông tin cho các bên có liên quan về dịch vụ các - bon rừng, phương thức tạo và trao đổi, thương mại tín chỉ các - bon rừng...

- *Phát triển cây quế:* Hình thành và phát triển vùng trồng quế tập trung theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; phát triển thương hiệu Quế Thái Nguyên, tập trung tại các địa phương như: Chợ Đồn, Chợ Mới, Na Rì, Định Hoá, Bình Yên, Trung Hội, Phượng Tiến, Phú Đình, Bình Thành, Kim Phượng, Lam Vỹ, Nghinh Tường, Sảng Mộc, Võ Nai, Dân Tiến, Tràng Xá...

- *Phát triển cây hồi:* Hình thành và phát triển vùng trồng hồi tập trung theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, tập trung tại các địa phương như: Na Rì, Chợ Mới, Bạch Thông...

2.1.4. Phát triển thủy sản theo hướng thâm canh, nâng cao giá trị

Lãnh đạo, chỉ đạo cơ cấu lại ngành thủy sản theo hướng tăng tỷ trọng, phát triển bền vững, gắn nuôi trồng với bảo vệ môi trường sinh thái. Phần đầu tốc độ tăng trưởng ngành thủy sản đạt trên 6,5%. Năm 2026, diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 7.470 ha, trong đó diện tích nuôi theo hướng hàng hóa tập trung, thâm canh và bán thâm canh chất lượng cao đạt 2.100 ha; tăng thể tích nuôi cá lồng trên các hồ chứa. Tổng sản lượng thủy sản đạt 23.100 tấn; tiếp tục hình thành và phát triển các vùng nuôi thủy sản tập trung, ứng dụng công nghệ mới, tạo sản phẩm quy mô hàng hóa phục vụ thị trường.

2.2. Phát triển công nghiệp, dịch vụ, các sản phẩm OCOP; chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn

Đảng ủy, UBND tỉnh, cấp ủy các tổ chức cơ sở đảng theo chức năng nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ ở khu vực nông thôn theo hướng gia tăng giá trị, tạo nhiều việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Khuyến khích, thu hút các dự án đầu tư phát triển công nghiệp chế biến, nhất là chế biến tinh, chế biến sâu các sản phẩm nông nghiệp; công nghiệp thu hút nhiều lao động, công nghiệp có giá trị gia tăng cao. Đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp gắn với bảo tồn, khôi phục các ngành, nghề truyền thống và hình thành nghề mới, góp phần tạo việc làm, nâng cao năng suất lao động ở nông thôn; chú trọng các sản phẩm nông nghiệp phục vụ cho ngành du lịch của tỉnh. Tiếp tục phát triển các sản phẩm OCOP, gắn với bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống. Phấn đấu phát triển thêm 20 lượt sản phẩm được chứng nhận đạt tiêu chuẩn OCOP từ 3 sao trở lên, ít nhất có thêm 01 lượt sản phẩm được chứng nhận OCOP 5 sao quốc gia.

Đa dạng sản phẩm và nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ; trong đó, chú trọng ngành dịch vụ nông nghiệp, giáo dục và đào tạo, y tế, thông tin và truyền thông để trở thành các ngành trọng điểm ở nông thôn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.

2.3. Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; hình thành các vùng nguyên liệu hữu cơ, xây dựng thương hiệu sản phẩm

Đảng ủy, UBND tỉnh, cấp ủy các tổ chức cơ sở đảng theo chức năng nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo mở rộng diện tích sản xuất nông nghiệp áp dụng tiêu chuẩn GAP, hữu cơ, an toàn dịch bệnh; phát triển chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn được xác nhận, gắn với chuyển đổi số trong quản lý, xây dựng thương hiệu, quảng bá, xúc tiến tiêu thụ nông sản và truy xuất nguồn gốc sản phẩm; tận dụng hiệu quả các nền tảng trực tuyến để kết nối tiêu thụ nông sản.

Lãnh đạo đẩy mạnh ứng dụng khoa học – công nghệ như IoT, Big Data, công nghệ sinh học, blockchain trong trồng trọt, chăn nuôi; ứng dụng công nghệ GIS trong quản lý an toàn thực phẩm nông, lâm sản; ứng dụng GIS và ảnh viễn thám trong giám sát, phát hiện sớm mất rừng, suy thoái rừng và cảnh báo cháy rừng. Khuyến khích xây dựng các mô hình ứng dụng blockchain trong nông nghiệp nhằm tăng cường minh bạch, giám sát chất lượng, thúc đẩy thương mại điện tử và nâng cao hiệu quả liên kết chuỗi giá trị.

Lãnh đạo thúc đẩy đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trong và ngoài nước; khuyến khích xây dựng, công nhận thương hiệu sản phẩm nông sản; xây

dựng và triển khai các website, nền tảng thương mại điện tử phục vụ quảng bá, mở rộng thị trường và tiêu thụ sản phẩm.

2.4. Phát triển kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, dịch vụ sản xuất gắn với chế biến, liên kết sản xuất; phát triển sản xuất gắn với du lịch nông nghiệp (sinh thái, trải nghiệm, cộng đồng)

Đảng ủy, UBND tỉnh, cấp ủy các tổ chức cơ sở đảng theo chức năng nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân gắn với tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị; phấn đấu phát triển thành công ít nhất 02 chuỗi khép kín đối với các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh.

Phấn đấu có 15–30% diện tích sản xuất nông nghiệp hàng hóa được tổ chức liên kết theo chuỗi giá trị; 80% vùng sản xuất nông nghiệp chủ lực tập trung tham gia liên kết bền vững; thành lập mới 15 tổ hợp tác, 10 hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả gắn với liên kết sản xuất.

Năm 2026, thu hút khoảng 20 doanh nghiệp tham gia chuỗi, trong đó ít nhất 06 doanh nghiệp đầu tư chế biến sâu; thu hút trên 04 dự án đầu tư vào chế biến sâu các mặt hàng chủ lực như giết mổ, chế biến thịt gia súc, gia cầm; chế biến dược liệu, chè, quế.

Lãnh đạo phát triển nông nghiệp gắn với du lịch sinh thái, trải nghiệm, cộng đồng; xây dựng và quảng bá thương hiệu nông sản Thái Nguyên trên nền tảng tri thức bản địa, nâng cao giá trị các sản phẩm đặc trưng như trà Tân Cương, lúa nếp đặc sản, dược liệu, rau – hoa, cá nước lạnh, quế, hồi, ...; khai thác hiệu quả các lễ hội, tour trải nghiệm gắn với vùng sản xuất đặc sản, mở rộng thị trường tiêu thụ và xuất khẩu.

2.5. Xây dựng nông thôn theo hướng hiện đại

Đảng ủy, UBND tỉnh, cấp ủy các tổ chức cơ sở đảng theo chức năng nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo tiếp tục triển khai đồng bộ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo hướng nâng cao, bền vững, gắn với phát triển kinh tế nông thôn và bảo vệ môi trường.

Duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới đã đạt; hỗ trợ các xã xây dựng nông thôn mới theo Bộ tiêu chí mới; huy động, lồng ghép hiệu quả các nguồn lực đầu tư; phát huy vai trò chủ thể của người dân. Phấn đấu đến năm 2026, 19% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Nhân rộng mô hình nông thôn hiện đại, thôn nông thôn mới, thôn thông minh; hoàn thành lập và phê duyệt quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết của từng xã, bảo đảm 100% số xã hoàn thiện quy hoạch nông thôn vào năm 2026.

Tập trung lãnh đạo đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hạ tầng nông thôn, nhất là hệ thống giao thông và các công trình dân sinh thiết yếu.

2.6. Nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai

Đảng ủy, UBND tỉnh, cấp ủy các tổ chức cơ sở đảng theo chức năng nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo việc quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên đất, rừng, nước gắn với bảo tồn đa dạng sinh học; xây dựng cảnh quan nông thôn sinh thái, thông minh, xanh - sạch - đẹp, hài hòa với thiên nhiên.

Lãnh đạo nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, phòng ngừa và giảm nhẹ thiên tai; chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi, điều chỉnh mùa vụ và kỹ thuật sản xuất thích ứng với biến đổi khí hậu; triển khai các chương trình bảo đảm an toàn hồ chứa, đê điều; bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn và không gian thoát lũ.

2.7. Nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và người dân nông thôn

Đảng ủy, UBND tỉnh, cấp ủy các tổ chức cơ sở đảng theo chức năng nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo phát huy dân chủ, thực hiện vai trò chủ thể của nông dân theo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”.

Tăng cường đưa công nghiệp, dịch vụ về nông thôn; gắn phát triển kinh tế với đào tạo con người mới; nâng cao năng lực quản trị, thúc đẩy chuyển đổi từ sản xuất nhỏ lẻ sang sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao và chuyển đổi số.

Ưu tiên nguồn lực cho các xã có tỷ lệ hộ nghèo đa chiều cao; hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số phát triển sinh kế, tạo việc làm, nâng cao thu nhập. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, môi trường văn hóa; phân đầu mỗi xã, phường có ít nhất 01 câu lạc bộ văn hóa, nghệ thuật, thể thao hoạt động hiệu quả từ năm 2026.

Duy trì mức giảm tỷ lệ hộ nghèo trên 1,5 điểm%; thu nhập bình quân người dân nông thôn tăng từ 1,2 lần trở lên so với năm 2025; 63% hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch đạt chuẩn; tỷ trọng lao động nông nghiệp dưới 20,3%. Cơ bản sắp xếp, bố trí ổn định cho trên 433 hộ dân tại khu vực chịu ảnh hưởng thiên tai, trong đó ưu tiên hoàn thành sắp xếp 270 hộ ra khỏi vùng nguy hiểm, bảo đảm ổn định nơi ở, sinh kế và đời sống lâu dài.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác tuyên truyền

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, ngành, địa phương, doanh nghiệp và người dân về vai trò phát triển toàn diện khu vực nông thôn trong thời kỳ mới; tạo sự đồng thuận, ủng hộ trong xã hội, huy động các nguồn lực tham gia thực hiện có

hiệu quả các chương trình, đề án, dự án phát triển nông nghiệp; góp phần chuyển đổi tư duy sang sản xuất nông nghiệp hàng hóa, nông nghiệp sinh thái, bền vững.

UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện thông tin, tuyên truyền về phát triển nông nghiệp, nông thôn giai đoạn mới; đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, bảo đảm kịp thời, chính xác, phù hợp với từng đối tượng. Tăng cường tuyên truyền về các chủ trương, chính sách của Trung ương và của tỉnh; các chương trình, đề án, dự án phát triển nông nghiệp, nông thôn; các mô hình sản xuất hiệu quả, điển hình tiên tiến, cách làm hay. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, cơ quan báo chí, truyền thông đẩy mạnh tuyên truyền, góp phần chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ sang sản xuất nông nghiệp hàng hóa, sinh thái, bền vững, tạo sự đồng thuận xã hội và huy động hiệu quả các nguồn lực tham gia thực hiện.

Cấp ủy các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Đảng ủy UBND tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo triển khai quán triệt, tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển nông nghiệp, nông thôn trong tình hình mới. Đưa nội dung tuyên truyền vào sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt chuyên đề; phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên trong thực hiện các chương trình, đề án, dự án phát triển nông nghiệp, nông thôn. Lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân đồng thuận, tích cực tham gia thực hiện các nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

2. Quy hoạch và quản lý quy hoạch

UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch sử dụng đất, Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050, bảo đảm tích hợp đầy đủ định hướng phát triển của các ngành, địa phương; phát huy lợi thế sản phẩm và tiềm năng của từng vùng. Rà soát, bố trí quỹ đất phục vụ vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung; quỹ đất để di dời người dân ra khỏi khu vực nguy hiểm, khu vực có nguy cơ sạt lở đất.

Hoàn thiện quy hoạch phát triển chăn nuôi; tổ chức rà soát, chuyển đổi khoảng 1.200 ha đất nông nghiệp kém hiệu quả sang phát triển cây chè, cây ăn quả, rau, hoa, cây dược liệu nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất và thu nhập cho người dân. Chỉ đạo thực hiện đo đạc, quy chủ đối với diện tích rừng và đất lâm nghiệp do UBND cấp xã quản lý chưa được đo đạc; giao các Ban quản lý rừng quản lý những khu vực rừng lớn, tập trung; đối với diện tích nhỏ lẻ, không tập trung, cho tổ chức kinh tế thuê rừng hoặc giao cộng đồng, hộ gia đình quản lý theo quy định. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, đất đai; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy

hoạch, kịp thời điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cho phù hợp với thực tiễn phát triển và yêu cầu quản lý.

Cấp ủy các tổ chức cơ sở đảng theo chức năng, nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp triển khai thực hiện nghiêm các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác quy hoạch; cụ thể hóa việc thực hiện Quy hoạch sử dụng đất, Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050 vào nghị quyết, chương trình, kế hoạch công tác của cấp ủy, bảo đảm đồng bộ, thống nhất theo Luật Quy hoạch. Chỉ đạo định hướng bố trí, sử dụng hiệu quả quỹ đất phục vụ phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa; quỹ đất để di dời người dân ra khỏi khu vực nguy hiểm, khu vực có nguy cơ sạt lở đất, bảo đảm an toàn dân cư. Lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp; định hướng chuyển đổi diện tích đất nông nghiệp kém hiệu quả sang phát triển cây chè, cây ăn quả, rau, hoa, cây dược liệu có giá trị kinh tế cao; tăng cường kiểm tra, giám sát việc quản lý, thực hiện quy hoạch, đất đai.

3. Cơ chế, chính sách

UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch sử dụng đất theo quy định của Luật Quy hoạch, bảo đảm tích hợp đồng bộ các nội dung, định hướng phát triển của các ngành, lĩnh vực, địa phương. Tiếp tục thực hiện các chủ trương lớn của Trung ương như Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và các Nghị quyết trụ cột của Bộ Chính trị¹.

Chỉ đạo rà soát, bố trí, quản lý, sử dụng hiệu quả quỹ đất phục vụ phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung; bảo đảm quỹ đất phục vụ di dời, bố trí ổn định dân cư ra khỏi khu vực nguy hiểm, khu vực có nguy cơ sạt lở, thiên tai đe dọa an toàn tính mạng người dân. Hoàn thiện quy hoạch phát triển chăn nuôi; tổ chức rà soát, chuyển đổi khoảng 1.200 ha đất nông nghiệp kém hiệu quả sang phát triển cây chè, cây ăn quả, cây rau, hoa có giá trị kinh tế cao, cây dược liệu... nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất và thu nhập cho người dân. Thực hiện đo đạc, quy chủ đối với diện tích rừng và đất lâm nghiệp hiện do UBND cấp xã quản lý; nghiên cứu giao cho Ban quản lý rừng đối với các khu rừng có diện tích lớn, tập trung; đối với diện tích nhỏ lẻ, không tập trung, xem xét cho các tổ chức kinh tế thuê rừng hoặc giao cho cộng đồng, hộ gia đình quản lý theo quy định. chính sách đột phá về khoa

¹ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân; số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

học công nghệ, chuyển đổi số; chính sách phát triển kinh tế tư nhân, thu hút đầu tư; du lịch gắn với nông nghiệp, nông thôn; cơ chế, chính sách tham gia vào thị trường tín chỉ các - bon, thuê dịch vụ môi trường rừng để phát triển du lịch sinh thái, phát triển dược liệu trong rừng; cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng đường giao thông nông thôn; sắp xếp dân cư;... Chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo; chính sách tín dụng ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội; bảo trợ xã hội.

Cấp ủy các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo việc quán triệt, tổ chức, phối hợp trong công tác tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên và Nhân dân chấp hành nghiêm quy hoạch; tạo sự đồng thuận trong việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất, sắp xếp, bố trí lại dân cư, quản lý và bảo vệ rừng bền vững.

Thực hiện nghiêm các quy hoạch đã được phê duyệt trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý; bảo đảm việc triển khai quy hoạch đồng bộ, thống nhất, đúng định hướng phát triển của tỉnh. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng đất đai, rừng và đất lâm nghiệp; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh các sai phạm, hạn chế tình trạng sử dụng đất sai mục đích, lấn chiếm, chuyển nhượng trái quy định.

4. Khoa học công nghệ, chuyển đổi số

UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức triển khai đồng bộ các chương trình, đề án, dự án ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong nông nghiệp; áp dụng các kỹ thuật canh tác tiên tiến, quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn chất lượng nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm nông nghiệp. Ưu tiên đầu tư, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật và nguồn nhân lực phục vụ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ; đẩy mạnh xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất, chế biến nông, lâm nghiệp, thủy sản công nghệ cao, tuần hoàn, thông minh, liên kết chuỗi giá trị.

Tổ chức chuyển giao các kết quả nghiên cứu khoa học, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào thực tiễn sản xuất; tăng cường ứng dụng công nghệ hiện đại trong canh tác, sản xuất, chế biến, quản lý và liên kết chuỗi giá trị nông sản. Chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu số phục vụ sản xuất, kinh doanh nông nghiệp (quản lý đất đai, số hóa vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, thông tin thị trường,...); ứng dụng công nghệ, thiết bị mới trong quản lý, giám sát tài nguyên rừng, điều tra trữ lượng rừng, đo đếm, xác định trữ lượng các-bon; hoàn thiện dữ liệu đất đai bảo đảm đúng, đủ, sạch, sống.

Cấp ủy các tổ chức cơ sở đảng lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong lĩnh

vực nông nghiệp. Theo chức năng, nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng nghị quyết, chương trình, kế hoạch cụ thể của cấp ủy gắn với nhiệm vụ ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực, địa bàn được phân công. Chỉ đạo thực hiện công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và người dân về vai trò của khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong phát triển nông nghiệp bền vững. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong nông nghiệp.

5. Nguồn nhân lực

UBND tỉnh chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn ngành nông nghiệp cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; bảo đảm đáp ứng yêu cầu sản xuất và quản lý trong điều kiện đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số. Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn mạng lưới các đơn vị sự nghiệp của ngành; đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ tài chính, đa dạng hóa nguồn thu; nâng cao năng lực chuyên môn, năng lực quản trị cho đội ngũ cán bộ gắn với yêu cầu thực tiễn. Đổi mới công tác đào tạo nghề, tập huấn cho tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và nông dân; gắn chương trình, nội dung đào tạo nghề với yêu cầu sản xuất nông nghiệp của tỉnh.

Hỗ trợ nâng cao năng lực cho đội ngũ quản lý tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp, chú trọng kỹ năng xây dựng phương án sản xuất, tiếp cận thị trường, tổ chức liên kết và tiêu thụ sản phẩm; tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tiếp cận tiến bộ khoa học kỹ thuật và trang bị kiến thức hội nhập kinh tế quốc tế nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh.

Cấp ủy các tổ chức cơ sở đảng theo chức năng, nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp trong công tác xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngành nông nghiệp đủ phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực chuyên môn và uy tín, đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp trong giai đoạn mới; rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, mạng lưới các đơn vị sự nghiệp ngành nông nghiệp theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu quả; gắn việc sắp xếp tổ chức với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ. Đổi mới nội dung, phương thức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn; chỉ đạo gắn công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ với yêu cầu thực tiễn sản xuất nông nghiệp, nhu cầu của người dân và địa phương.

6. Hợp tác quốc tế và liên kết vùng; xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường

UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức kết nối hệ thống chế biến, phân phối, bán lẻ hiện đại và truyền thống với các chuỗi cung ứng nông sản; gắn với các vùng chuyên canh, vùng nguyên liệu tập trung để đưa nông sản vào hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại và các sàn thương mại điện tử. Chủ động tìm

kiểm, mở rộng hợp tác quốc tế; thu hút nguồn lực đầu tư và chuyển giao khoa học - công nghệ; tranh thủ sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế và Trung ương trong đào tạo nguồn nhân lực, quản lý, nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ và hỗ trợ tiếp cận thị trường. Hỗ trợ nâng cao chất lượng, giá trị và mở rộng thị trường tiêu thụ, xuất khẩu đối với các sản phẩm nông nghiệp có thế mạnh của tỉnh như: chè, gỗ, nấm, các sản phẩm chế biến từ thịt gia súc, gia cầm và các sản phẩm đặc trưng khác.

Cấp ủy các tổ chức cơ sở đảng theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp trong thực hiện các chủ trương của Đảng về hợp tác quốc tế, liên kết vùng, xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại trong lĩnh vực nông nghiệp; định hướng phát triển thị trường tiêu thụ, xuất khẩu nông sản phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; lồng ghép mục tiêu mở rộng thị trường, nâng cao chất lượng, giá trị nông sản vào nghị quyết, chương trình công tác của cấp ủy; lãnh đạo xây dựng các mô hình liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ theo chuỗi giá trị. Tăng cường phối hợp giữa các tổ chức đảng, chính quyền, doanh nghiệp, hợp tác xã trong kết nối sản xuất với thị trường; phát huy vai trò của tổ chức đảng trong doanh nghiệp nông nghiệp.

7. Huy động nguồn lực và nâng cao hiệu quả quản lý đầu tư công

UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức xây dựng, lựa chọn và triển khai các dự án đầu tư phát triển nông nghiệp; ưu tiên đầu tư hạ tầng cho vùng sản xuất tập trung, cụm dân cư, khu và vùng ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao; hỗ trợ đầu tư bảo quản sau thu hoạch và công nghệ chế biến nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch. Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án phát triển kết cấu hạ tầng các xã vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026–2030. Lồng ghép, huy động đa dạng nguồn lực (ngân sách nhà nước, chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn xã hội hóa,...) để đầu tư phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng bền vững, có trọng tâm, trọng điểm. Tăng cường công tác duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng sau đầu tư nhằm kéo dài tuổi thọ, nâng cao hiệu quả sử dụng và phát huy tối đa hiệu quả các dự án.

Cấp ủy các tổ chức cơ sở đảng theo chức năng, nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp trong thực hiện chủ trương xã hội hóa, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển nông nghiệp; tạo môi trường thuận lợi để thu hút nguồn lực ngoài ngân sách. Giám sát chặt chẽ việc quản lý, sử dụng các nguồn vốn đầu tư công, bảo đảm đúng mục tiêu, hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí; kịp thời chấn chỉnh những hạn chế, bất cập trong tổ chức thực hiện các dự án; lồng ghép các chương trình, dự án, nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn; định hướng ưu tiên đầu tư cho các vùng sản xuất tập trung, vùng khó khăn, vùng đặc biệt khó khăn.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu ban hành Nghị quyết về phát triển nông nghiệp hàng hóa tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026-2030 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; phối hợp với Hội đồng nhân dân tỉnh rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông thôn trong năm 2026; chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức thực hiện Kế hoạch số 36-KH/TU và Kế hoạch này; xác định rõ nội dung, lộ trình, bố trí bảo đảm nguồn lực để triển khai hiệu quả những mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch.

2. Các cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt và phổ biến Đề án số 20-ĐA/TU, Kế hoạch số 36-KH/TU và Kế hoạch này đến toàn thể cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ; căn cứ chức năng, nhiệm vụ cụ thể hóa xây dựng kế hoạch để tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế.

3. Ban Tuyên giáo và Dân vận Đảng ủy phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu hướng dẫn việc quán triệt nội dung Đề án số 20-ĐA/TU, Kế hoạch số 36-KH/TU và Kế hoạch này đến các cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên bảo đảm đúng quy định.

4. Giao Văn phòng Đảng ủy chủ trì phối hợp với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Đảng ủy, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh UBND tỉnh theo chức năng nhiệm vụ được giao tham mưu, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc triển khai thực hiện Đề án số 20-ĐA/TU, Kế hoạch số 36-KH/TU và Kế hoạch này; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

(Có Đề án số 20-ĐA/TU, Kế hoạch số 36-KH/TU gửi kèm theo).

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Thường trực Đảng ủy,
- Ủy ban Nhân dân tỉnh,
- Các chi, đảng bộ cơ sở trực thuộc,
- Các CQ chuyên trách TMGV Đảng ủy, Đoàn TN UBND tỉnh,
- Các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ,
- Lưu Văn phòng Đảng ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

Vi Văn Nghĩa